

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày: 13-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đậu Cao Nhu.

2. Bà Hồ Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1, Họ và tên: **Văn Tiến D** (tên gọi khác: không); sinh năm: 2000 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 8, xã Quỳnh Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Văn Đình T và bà: Trần Thị Gi; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: ngày 24/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xử phạt 15 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 40/2020/HS-ST), đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 08/02/2021 (giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt số 92/GCN); bị tạm giữ, tạm giam: từ ngày 07/10/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2, Họ và tên: **Đậu Văn H** (tên gọi khác: không); sinh năm: 1998 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 12, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đậu Văn V và bà: Lê Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam: từ ngày 07/10/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959. Nơi cư trú: xóm 13, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: xóm 13, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: xóm 6, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Anh Hồ Văn H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xóm 6, xã Qu V, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Trọng Tr, sinh năm 1998. Nơi cư trú: xóm 8, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đăng Nh, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm 8, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Võ Sơn D1, sinh ngày 12/6/2006. Nơi cư trú: xóm 1, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người giám hộ cho D1: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986. Nơi cư trú: xóm 1, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Anh T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: khối 3, thị trấn C Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Phan Thị S, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xóm 16, xã Qu V, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Anh Lê Tiến H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm 12, xã Qu V, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn Tiến D, Đậu Văn H và Võ Sơn D1 (sinh ngày 12/6/2006) có quan hệ quen biết, để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2021 đến ngày 07/10/2021, Tiến D rủ H và Sơn D1 thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 01^h ngày 29/9/2021, Văn Tiến D rủ Đậu Văn H và Võ Sơn D1 tìm chỗ trộm tài sản, Sơn D1 nói biết chỗ quán cà phê Năng (xóm 13, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu). Cả ba đi đến quán cà phê Năng, Văn D1 và H

đứng bên ngoài cảnh giới, Sơn D1 trực tiếp trèo qua tường vào quán lấy trộm 01 (một) điện thoại Vivo và 01 (một) chiếc ví da có số tiền 15.000đ (mười lăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Trọng T. Sau khi lấy được tài sản, Sơn D1 cất 15.000đ (mười lăm nghìn đồng) vào túi quần, đưa điện thoại cho Tiến D. Sáng ngày 29/9/2021, cả ba đưa điện thoại đến bán cho anh Hồ Văn H với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tại bản kết luận định giá tài sản số 516/KL-ĐGTS ngày 15/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh Tuấn 2.715.000đ (hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: khoảng 22^h ngày 05/10/2021, Văn Tiến D bàn với Đậu Văn H và Võ Sơn D1 đi trộm tài sản của những người đi bắt ếch, bắt cá tại khu vực bờ sông thuộc xóm 4, xã Qu Th, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Tiến D và H đi cùng với nhau không trộm được tài sản gì. Sơn D1 thò tay vào cốp xe máy nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 37B1-4555 lấy trộm 01 (một) điện thoại Iphone 8 Plus màu đen của anh Nguyễn Trọng Tr, 01 (một) điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng của anh Nguyễn Đăng Nh và số tiền 108.000đ (một trăm linh tám nghìn đồng). Sau khi lấy được điện thoại và tiền, Sơn D1 đưa lại cho H cầm, Tiến D nói Sơn D1 tắt nguồn điện thoại để không bị định vị, số tiền 108.000đ (một trăm linh tám nghìn đồng) Sơn D1 cất vào trong người. Chiều ngày 06/10/2021, cả ba đi đến xã Quỳnh Văn, Tiến D cầm điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng đến bán cho chị Phan Thị S với giá 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và đưa số tiền này cho Văn D cầm 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), còn 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đưa cho H. Sau đó, cả ba tiếp tục đi đến phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai bán điện thoại Iphone 8 Plus màu đen cho anh Lê Tiến H với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này Văn D cầm 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đưa cho H cầm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 470/KL-ĐGTS ngày 26/10/2021, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen có giá trị 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng có giá trị 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh Tr, anh Nh 6.108.000đ (sáu triệu một trăm linh tám nghìn đồng).

Vụ thứ ba: khoảng 02^h ngày 07/10/2021, Tiến D rủ H và Sơn D1 tiếp tục đi trộm cắp tài sản nên cả ba đi đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu, H đứng ngoài cảnh giới, Văn D và Tiến D vào nhà gửi xe của bà Nguyễn Thị Đ (xóm 13, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu). Văn D1 trộm số tiền

2.340.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), 54 thẻ cào nộp điện thoại có giá trị 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 (một) máy tính bảng Samsung Galaxy Tab, 01 (một) điện thoại di động Masstel màu vàng. Sơn D1 trộm 01 (một) điện thoại di động Samsung A6+ màu bạc. Tại bản kết luận định giá tài sản số 440/KL-ĐGTS ngày 15/10/2021 và 470/KL-ĐGTS ngày 26/10/2021, kết luận: 01 (một) máy tính bảng Samsung Galaxy Tab có giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động Masstel màu vàng có giá trị 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động Samsung A6+ có giá trị 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị trộm của bà Đ 6.040.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau khi lấy được tài sản của bà Đ, Văn D vào tiếp nhà gửi xe của ông Nguyễn Như T lấy số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) và 24 thẻ cào nộp tiền điện thoại có giá trị 890.000đ (tám trăm chín mươi nghìn đồng), tổng giá trị trộm của anh T 1.490.000đ (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), tổng giá trị tài sản trộm của bà Đ, ông T: 7.530.000đ (bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Khoảng 16^h30 phút ngày 07/10/2021, Công an huyện Quỳnh Lưu bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Văn Tiến D, Đậu Văn H và Võ Sơn D1.

Bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-QL ngày 20/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố Văn Tiến D và Đậu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Văn Tiến D từ 12-15 tháng tù.

Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đậu Văn H từ 12-15 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 14 (mười bốn) thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel; trả lại cho bị cáo Văn Tiến D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen loại bàn phím vật lý, trả lại cho bị cáo Đậu Văn H 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 1203 màu đen.

Trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 586, 587 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Văn Tiến D, Đậu Văn H và người giám hộ cho người liên quan Võ Sơn D phải bồi thường cho bị hại và trả lại tiền cho người liên quan. Cụ thể: Văn Tiến D phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số

tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), cho ông Nguyễn Như T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), và trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Đậu Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 940.000đ (chín trăm bốn mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Như T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), và trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Như T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), và trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Văn Tiến D và Đậu Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Văn Tiến D và Đậu Văn H khai nhận: trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2021 đến ngày 07/10/2021, Dũng rủ Hoàng và Võ Sơn Dũng lấy trộm tài sản của anh Nguyễn Trọng T có giá trị 2.715.000đ, của anh Nguyễn Trọng Tr và anh Nguyễn Đăng Nh có giá trị 6.108.000đ, của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Như T1 có giá trị 7.530.000đ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của bà Đ, ông T,

anh T1, Nh, Tr là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Đồng phạm giản đơn nên cần xem xét đến vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp, như thế mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Chỉ trong một thời gian ngắn, các bị cáo liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội, có nhân thân xấu, nên phải cách ly ra ngoài xã hội một thời gian. Bị cáo D phạm tội có tình tiết tăng nặng: phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm. Bị cáo H phạm tội có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo là D là người khởi xướng nên phải chịu trách nhiệm chính, nhân thân xấu nên hình phạt phải cao hơn bị cáo H. Tuy nhiên cũng cần xem xét các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xử phạt các bị cáo với mức như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Xử lý vật chứng: điện thoại của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Văn Tiến D 01 (một) điện thoại di động Mastel màu đen, trả lại cho Đậu Văn H 01 (một) điện thoại Nokia 1203 màu đen, 14 (mười bốn) thẻ cào đã bị cào vùng mã số không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bồi thường tổng số tiền 2.620.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Như T1 yêu cầu bồi thường số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phan Thị S yêu cầu trả lại số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng), anh Lê Tiến H yêu cầu trả lại số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu của bị hại, người liên quan là chính đáng, cần áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 587 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Văn Tiến D, Đậu Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Sơn D1 phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại và trả lại tiền cho người liên quan. Các bị cáo Văn Tiến D, Đậu Văn H và người liên quan Võ Sơn D1 cố ý cùng thực hiện tội phạm, số tiền trộm được và bán tài sản trộm được, được sử dụng chung, tiêu dùng chung vào mục đích mua quần áo, ăn uống, ngủ nghỉ và thuê xe đi lại... nên phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau, đối với thẻ cào điện thoại, người nào cào nộp vào máy điện thoại của mình thì người đó phải

chịu trách nhiệm bồi thường. Người liên quan Võ Sơn D1 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã đủ 15 tuổi nhưng không có tài sản nên áp dụng khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự buộc mẹ là bà Nguyễn Thị T phải bồi thường. Cụ thể:

Chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ: bị cáo Văn Tiến D tổng số tiền 900.000đ, bao gồm 780.000đ và 120.000đ tiền thẻ cào; Đậu Văn H tổng số tiền 940.000đ, bao gồm 780.000đ và 160.000đ tiền thẻ cào; bà Nguyễn Thị Th 780.000đ.

Chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Như T: Văn Tiến D, Đậu Văn H, Nguyễn Thị Th, mỗi người 200.000đ.

Chịu trách nhiệm trả lại tiền cho chị Phan Thị S: Văn Tiến D, Đậu Văn H, Nguyễn Thị Th, mỗi người 534.000đ.

Chịu trách nhiệm trả lại tiền cho anh Lê Tiến H: Văn Tiến D, Đậu Văn H, Nguyễn Thị Th, mỗi người 1.167.000đ.

[7] Về những vấn đề khác: Võ Sơn D1, sinh ngày 12/6/2006 đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mới được 15 tuổi 03 tháng 17 ngày nên bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo (Quyết định số 208/QĐ-XPHC ngày 03/12/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Lê Tiến H, chị Phan Thị S, anh Lê Văn H và anh Đặng Anh T, mua và sửa điện thoại nhưng không biết tài sản do các bị cáo trộm mà có nên không bị xử lý, là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí hình sự: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Văn Tiến D15 (mười lăm) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/10/2021).

- Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đậu Văn H 12 (mười hai) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/10/2021).

2. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 14 (mười bốn) thẻ cào điện thoại của nhà mạng

Viettel mệnh giá 20.000 đồng đã bị cào vùng mã số; trả lại cho bị cáo Văn Tiến D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen loại bàn phím vật lý, trả lại cho bị cáo Đậu Văn H 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 1203 màu đen. Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện Quỳnh Lưu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu ngày 21/12/2021.

3. Trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 586, 587 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Văn Tiến D phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), cho ông Nguyễn Như T1 số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Văn Tiến D trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đậu Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 940.000đ (chín trăm bốn mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Như T1 số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Đậu Văn H trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Như T1 số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Th trả lại cho chị Phan Thị S số tiền 534.000đ (năm trăm ba mươi tư nghìn đồng), anh Lê Tiến H số tiền 1.167.000đ (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Văn Tiến D và Đậu Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại giam Công an tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CA huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHA Dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã Qu Th (để biết);
- Bị cáo, bị hại, liên quan;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến